

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí NSNN năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 108 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn và thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Thông tư 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Thông tư 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ;

Căn cứ Thông tư 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em;

Căn cứ Công điện số 398/CD-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống đuối nước trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư 168/2021/TT-BQP ngày 18/12/2021 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn cơ bản (TACB) bộ binh, quân chủng, binh chủng, bệnh nhân điều trị, học viên quân sự quốc tế ăn thêm ngày lễ, tết, khi làm nhiệm vụ; chế độ an, bồi dưỡng hằng năm cho các đối tượng hưởng lương và phụ cấp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong Quân đội;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ quyết định số 4704/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo dục phòng tránh đuối nước học sinh;

Căn cứ Văn bản số 1562/BGDĐT-GDTC ngày 21/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác phòng chống đuối nước đối với trẻ em, học sinh;

Căn cứ Quyết định số 3565/QĐ-BGDĐT ngày 15/11/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định về việc tặng bằng khen các Tập thể, cá nhân đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” năm học 2023-2024.

Căn cứ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố (Phụ lục 5);

Căn cứ Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố (phụ lục 2);

Căn cứ Nghị quyết số 61/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội phê chuẩn Đề án về Tổ chức lực lượng huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường chỉ đạo, thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích và đuối nước cho học sinh, trẻ em trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 08/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội về kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về phòng chống tai nạn thương tích - xây dựng cộng đồng an toàn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 18/01/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định mức thù lao cho các lực lượng làm nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội quy định đối tượng khách được mời theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội;

Công văn số 3123/SGDĐT-CNTT-KHCN ngày 13/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội v/v hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND quận Hà Đông về kết quả thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành phương án điều tra thu nhập bình quân đầu người 01 tháng cấp huyện;

Theo đề nghị tại văn bản số 1008/TCKH ngày 29/11/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị bổ sung dự toán chi NSNN năm 2024 cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí NSNN năm 2024 cho cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ với số tiền **3.975.598.292 đồng (Ba tỷ, chín trăm bảy lăm triệu, năm trăm chín tám nghìn, hai trăm chín hai đồng)**, trong đó:

- Từ nguồn Chi khác ngân sách quận là **2.161.574.075 đồng**
- Từ nguồn Sự nghiệp giáo dục điều hành tập trung là **470.774.000 đồng**

- Từ nguồn Sự nghiệp kinh tế điều hành tập trung là 263.563.910 đồng
- Từ nguồn Nguồn 50% giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN năm 2024 là 1.079.686.307 đồng

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ kinh phí được bổ sung, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện và thanh quyết toán theo đúng chế độ chính sách, đúng luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND quận, phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước Hà Đông và các đơn vị theo biểu chi tiết chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT QU; HĐND-UBND quận;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cần Thị Việt Hà

BỘ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 4859/QĐ-UBND ngày 04 / 12 /2024 của UBND quận Hà Đông)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Số tiền	Nguồn kinh phí
	Tổng	3.975.598.292	
1	UBND phường Vạn Phúc: hỗ trợ kinh phí tổ chức "Tuần văn hóa - du lịch - thương mại làng nghề Vạn Phúc năm 2024"	302.800.000	Nguồn chi khác ngân sách quận năm 2024
2	Công an quận Hà Đông: hỗ trợ kinh phí thực hiện Kế hoạch số 74/KH-BCĐ ngày 31/10/2024 của Ban chỉ đạo 89	96.000.000	Nguồn chi khác ngân sách quận năm 2024
3	Ban CHQS quận Hà Đông:	992.860.000	Nguồn chi khác ngân sách quận năm 2024
	<i>Kinh phí tổ chức hoạt động gặp mặt, tri ân nhân kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam</i>	<i>372.800.000</i>	
	<i>Kinh phí đảm bảo trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các hoạt động triển lãm Quốc phòng quốc tế Việt Nam năm 2024</i>	<i>620.060.000</i>	
4	Chi cục thống kê Hà Đông: Kinh phí điều tra thu nhập bình quân đầu người 01 tháng cấp huyện	215.961.875	Nguồn chi khác ngân sách quận năm 2024
5	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao: Kinh phí tuyên truyền, các hoạt động tổ chức kỷ niệm 120 năm thành lập Hà Đông (06/12/1904-06/12/2024)	553.952.200	Nguồn chi khác ngân sách quận năm 2024
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo:	470.774.000	Nguồn sự nghiệp giáo dục điều hành tập trung năm 2024
	<i>Kinh phí tổ chức giải thi đấu các môn thể thao cho học sinh Tiểu học và THCS quận Hà Đông năm học 2024-2025 và tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi lớp 9 quận Hà Đông tham gia học sinh giỏi lớp 9 thành phố Hà Nội năm học 2024-2025</i>	<i>368.984.000</i>	
	<i>Chi khen thưởng bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục thành phố Hà Nội đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" năm học 2023-2024</i>	<i>101.790.000</i>	
7	Phòng Kinh tế: Bổ sung kinh phí hoạt động của Ban chỉ huy PCTT và tìm kiếm cứu nạn năm 2024	263.563.910	Nguồn sự nghiệp kinh tế điều hành tập trung
8	Khối Tiểu học và THCS: Kinh phí hỗ trợ học sinh tham gia Đề án xã hội hóa phổ cập bơi đối với học sinh tiểu học và THCS năm 2024	383.700.000	Nguồn 50% giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN năm 2024
9	Bảo hiểm xã hội quận: Kinh phí hỗ trợ đối với người tham gia BHXH tự nguyện quý 3/2024	695.986.307	Nguồn 50% giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN năm 2024

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHO HỌC SINH THAM GIA ĐỀ ÁN:
XÃ HỘI HOÁ PHỒ CẤP BƠI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ
QUẬN HÀ ĐÔNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 4859 /QĐ-UBND ngày 04 / 12 /2024 của UBND quận Hà Đông)

đvt: đồng

TT	Tên đơn vị	Số học sinh	kinh phí hỗ trợ (300.000d/1HS)	Ghi chú
	Tổng cộng	1.279	383.700.000	
I	Cấp học Tiểu học	1.192	357.600.000	
1	Tiểu học La Khê	51	15.300.000	
2	Tiểu học Mậu Lương	195	58.500.000	
3	Tiểu học Phú La	257	77.100.000	
4	Tiểu học Văn Khê	70	21.000.000	
5	Tiểu học Phú Lương I	5	1.500.000	
6	Tiểu học Lê Trọng Tấn	20	6.000.000	
7	Tiểu học Dương Nội B	20	6.000.000	
8	Tiểu học Trần Quốc Toàn	17	5.100.000	
9	Tiểu học Phú Lãm	14	4.200.000	
10	Tiểu học Phú Cường	14	4.200.000	
11	Tiểu học Kim Đồng	80	24.000.000	
12	Tiểu học Kiến Hưng	75	22.500.000	
13	Tiểu học Lê Lợi	96	28.800.000	
14	Tiểu học Trần Phú	63	18.900.000	
15	Tiểu học Văn Yên	54	16.200.000	
16	Tiểu học Đoàn Kết	33	9.900.000	
17	Tiểu học Lê Hồng Phong	34	10.200.000	
18	Tiểu học Nguyễn Trãi	19	5.700.000	
19	Tiểu học Yết Kiêu	6	1.800.000	

20	Tiểu học Trần Đăng Ninh	41	12.300.000	
21	Tiểu học Vạn Bảo	7	2.100.000	
22	Tiểu học Vạn Phúc	21	6.300.000	
II	Cấp học THCS	87	26.100.000	
1	THCS Yên Nghĩa	30	9.000.000	
2	THCS Mậu Lương	11	3.300.000	
3	THCS Dương Nội	8	2.400.000	
4	THCS Phú La	8	2.400.000	
5	THCS Trần Đăng Ninh	11	3.300.000	
6	THCS Văn Yên	11	3.300.000	
7	THCS Nguyễn Trãi	4	1.200.000	
8	THCS Văn Quán	4	1.200.000	

Chữ ký

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Cường

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO CHO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NĂM 2024
Về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2024

(Kèm theo Quyết định số: 4859/QĐ-UBND ngày 4/12/2024 của UBND quận Hà Đông

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.200.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.200.000
1	Chi quản lý hành chính	4.200.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.200.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.200.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	

AN
 ƠN
 H C
 CƯ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 04 tháng 12 năm 2024.

KẾ TOÁN

HTM
Hà Thị Nhung



HIỆU TRƯỞNG

Phao
 HIỆU TRƯỞNG
Dinh Thị Phao